TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ

2. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 168/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/02/1987.

Căn cước công dân số 080187010179, cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: Số C, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành T1, sinh ngày 10/12/1982. Căn cước công dân số 080082015287.

Địa chỉ: Số C, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành T1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 12/02/2007.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay, bà nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Thành T1.

Về nuôi con chung: Bà và ông T1 có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Thành Cẩm Tiên S ngày 08/02/2007 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thành Quang V sinh ngày 19/9/2013 đang sống cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Q, không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ông Nguyễn Thành T1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành T1. Ông T1 cư trú tại xã T, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà T, ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố Tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông T1 đã phát sinh mâu thuẫn, ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà T thể hiện việc các đương sự không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về nuôi con chung: Bà T, ông T1 có hai người con chung tên Nguyễn Thành Cẩm T2, sinh ngày 08/02/2007 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thành Quang V, sinh ngày 19/9/2013.

Xét, bà T yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Quang V; để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cũng

như nguyện vọng của con chung là được sống cùng với mẹ nên cần giao con chung tên Quang V cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà T không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng đối với con chung tên Cẩm T2, bà T xác định đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thành T1.

2. Về nuôi con chung: Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị T được giao giữ nuôi con chung tên Nguyễn Thành Quang V sinh ngày 19/9/2013.

Ông Nguyễn Thành T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013735 ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
- THA dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã T, tỉnh T;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TAND KHU VỰC 5

YZG270126.TL.QDBA 216

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy